

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ LIỆU GHI CHÉP BAN ĐẦU VỀ

DÂN SỐ - KHHGD NĂM 2002

Phan Đức Lộc

Vụ Dân số – Lao động

Đến nay toàn bộ nội dung thẩm định số liệu ghi chép ban đầu về Dân số-KHHGD theo Kế hoạch số 859/TCTK-DS do Tổng Cục Thống Kê ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2002 đã hoàn thành.

1. Mục tiêu thẩm định

Đánh giá mức độ đầy đủ của một số thông tin cơ bản về số sinh (từ 2/2002-3/2003), số chết (từ 12/2/2002-3/2003), số người chuyển đến (từ 1/2002 đến 3/2003) và số phụ nữ đang có chồng từ 15 đến 49 tuổi đang sử dụng các biện pháp tránh thai có đến 31/3/2003 đã được đăng ký và thường xuyên cập nhật trong hệ thống tài liệu ghi chép ban đầu về dân số - KHHGD. Mẫu thu thập các thông tin kiểm tra đảm bảo đại diện cho 5 vùng và cả nước.

2. Phạm vi mẫu chọn thẩm định

Cả nước chọn thẩm định 300 địa bàn điều tra (ĐBĐT) trong số 3600 ĐBĐT được

chọn cho điều tra Biến động dân số - KHHGD và nguồn lao động 1/4/2003, phân bổ cho 5 vùng, mỗi vùng 60 ĐBĐT.

- Vùng Miền núi phía Bắc: chọn 60/866 ĐBĐT

- Vùng Đồng bằng sông Hồng: chọn 60/646 ĐBĐT

- Vùng Trung bộ và Tây Nguyên: chọn 60/935 ĐBĐT

- Vùng Đông Nam bộ: chọn 60/456 ĐBĐT

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: chọn 60/697 ĐBĐT.

3. Phương pháp kỹ thuật:

Sử dụng kỹ thuật *Chandrasekaran-Deming* (xem [1]) để tính tỷ lệ bỏ sót về sinh, chết, chuyển đến và phụ nữ sử dụng biện pháp tránh thai.

4. Yêu cầu kỹ thuật:

4.1. Hai hệ thống báo cáo phải được làm độc lập.

- Hệ thống 1(HT1): Do cán bộ chuyên trách dân số xã/phường lập.

- Hệ thống 2(HT2): Do điều tra viên điều tra trực tiếp từ các hộ lập.

Tuyệt đối không được sao chép, đối chiếu sửa thông tin giữa các danh sách báo cáo của 2 hệ thống để nó hoàn toàn giống nhau.

4.2. Hai hệ thống báo cáo phải cùng phạm vi

Phạm vi thẩm định số liệu là toàn bộ các hộ thuộc các thôn/xóm/ấp/ bản/tổ dân phố nơi có các địa bàn chọn điều tra Biện động Dân số - KHHGD và nguồn lao động năm 2003. Do vậy, phải lập được bản "Danh sách toàn bộ các hộ thuộc thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố". Danh sách này sẽ làm căn cứ để điều tra viên (ĐT) và cán bộ chuyên trách dân số lập báo cáo các sự kiện theo đúng phạm vi. STT hộ, họ và tên chủ hộ và địa chỉ của hộ theo danh sách sẽ là căn cứ để đối chiếu so sánh các sự kiện thẩm định theo 2 hệ thống.

Danh sách các hộ gồm có các thông tin cơ bản sau: STT hộ, họ và tên chủ hộ, địa chỉ của hộ.

4.3. Chỉ thẩm định các sự kiện sinh (từ 2/2002 đến 3/2003); chết (từ 12/2/2002 đến hết 3/2003); chuyển đến (từ 1/2002 đến 3/2003) và số phụ nữ có chồng tuổi từ 15-49 (sinh từ 4/1953-3/1988) hiện đang sử dụng biện pháp tránh thai (BPTT) có đến 31/3/2003.

Trước khi so sánh danh sách của 2 hệ thống phải kiểm tra kỹ các thông tin về tháng/ năm sinh của trẻ em, tháng/ năm

chết của người chết, tháng/ năm chuyển đến, tháng/năm sinh của phụ nữ và tình trạng hôn nhân của phụ nữ. Nếu các sự kiện xảy ra ngoài khoảng thời gian trên thì không lập danh sách và không đối chiếu so sánh.

4.4. Nguyên tắc so sánh kết quả giữa 2 hệ thống là phải so sánh cụ thể từng sự kiện cùng với các đặc trưng (tiêu thức) của sự kiện để kết luận rằng sự kiện đó đều thu được trong cả 2 hệ thống hay chỉ thu được trong một hệ thống. Không được so sánh thuần túy về mặt số lượng của các sự kiện.

Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của phương pháp, đòi hỏi cả 2 hệ thống phải lập báo cáo chi tiết dưới dạng "danh sách chi tiết các sự kiện".

Đây là một công việc mới đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao, lần đầu tiên được áp dụng trên cơ sở có sự phối hợp tốt giữa hai ngành Thống kê và ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ở cả 2 cấp tỉnh/thành phố và huyện/quận. Trong quá trình triển khai, Lãnh đạo và đội ngũ chuyên viên có kinh nghiệm của hai ngành ở tất cả 61 tỉnh, thành phố đã có sự phối kết hợp chặt chẽ, triển khai từng nội dung công việc theo đúng kế hoạch và yêu cầu nghiệp vụ, lập đầy đủ danh sách các sự kiện thẩm định theo 2 hệ thống. Các kết quả nêu trong báo cáo này được tổng hợp khách quan, trực tiếp từ 4 bản danh sách gốc (ghi chép các sự kiện sinh/chết/chuyển đến từ tháng 2/2002-3/2003, số phụ nữ có chồng tuổi từ 15-49 hiện đang thực hiện các biện pháp tránh thai có đến 31/3/2003) của 300 địa bàn điều tra được chọn thẩm định trong cả nước. Các danh sách này hiện đang được

lưu tại vụ Dân số - Lao động, Tổng cục Thống kê.

Kết quả thẩm định số liệu ghi chép ban đầu về dân số - KHHGD của 300 địa

bàn được tổng hợp đánh giá theo kỹ thuật Chandrasekaran - Deming cho 5 vùng theo 2 hệ thống:

(xem bảng dưới)

SỐ LIỆU THẨM ĐỊNH GHI CHÉP BAN ĐẦU CỦA HAI HỆ THỐNG

	Số trẻ em sinh từ 2/2002-3/2003	Số người chết từ 12/2/2002-3/2003	Số người chuyển đến từ 1/2002 đến 3/2003	Số phụ nữ có chồng từ 15-49 tuổi đang thực hiện các BPTT
Tỷ lệ (%) bỏ sót các sự kiện của hệ thống số theo dõi Dân số- KHHGD (HT1)				
Cả nước	16,4	11,5	42,7	14,7
<i>Trong đó:</i>				
1. Đông bắc và Tây bắc	14,3	10,6	36,2	8,7
2. Đồng bằng sông Hồng	6,0	4,8	40,1	12,3
3. Trung bộ và Tây Nguyên	14,8	10,9	45,5	15,9
4. Đông Nam bộ	23,1	14,9	40,3	16,8
5. ĐB sông Cửu Long	20,2	15,9	50,6	17,6
Tỷ lệ (%) bỏ sót các sự kiện của hệ thống điều tra (HT2) do điều tra viên thu thập				
Cả nước	5,4	4,4	19,5	11,9
<i>Trong đó:</i>				
1. Đông bắc và Tây bắc	2,7	1,8	20,2	5,1
2. Đồng bằng sông Hồng	2,3	1,5	6,2	9,3
3. Trung bộ và Tây Nguyên	6,1	6,0	28,5	13,6
4. Đông Nam bộ	5,8	5,3	17,1	17,2
5. ĐB sông Cửu Long	8,5	6,7	24,6	13,1

Kết quả thẩm định sẽ là căn cứ để Tổng Cục Thống kê đánh giá và hiệu chỉnh kết quả điều tra, giúp cục Thống kê các tỉnh/thành phố rút kinh nghiệm tổ chức chỉ đạo tốt hơn nữa cuộc điều tra trong những năm tới. Đồng thời, những kinh nghiệm thu được từ công tác thẩm định số liệu lần này sẽ giúp hai ngành Thống kê và Ủy ban DS-BM-TE trong việc tăng

cường tổ chức đánh giá số liệu, phục vụ cho việc kiện toàn hệ thống ghi chép ban đầu ở cơ sở và nâng cao chất lượng thông tin hơn nữa ■

Tài liệu tham khảo

[1] Chandrasekaran-Deming: Báo cáo hành chính Tổng điều tra dân số 1989, tập 1 NXB Thống kê, 1990